BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

TIÊU CHUẨN 6

TIÊU CHÍ 6.3

Minh chứng: H6.06.03.09

Tên minh chứng: Báo cáo kết quả đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra học phần (CLO)

CÁC TÀI LIỆU TRONG MINH CHỨNG

TT	Tên tài liệu (Tên văn bản/báo cáo/bảng biểu)	Trang
1	Báo cáo kết quả đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra học phần (CLO)	1-88

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐO LƯỜNG, ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (CLO)
Đợt 1 Năm học 2025-2026

KT. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Ngọc Khánh

P. TRƯỞNG PHÒNG
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nguyễn Thị Lan Hương

HÀ NỘI 03/2026

MỤC LỤC

1 Mở đầu…… 3

2 Thông tin chung…….. 6

3 Tổng hợp kết quả đánh giá chuẩn đầu ra đợt 1 năm học 2025-2026…….. 8

4 Kết luận…… 18

5 Phụ lục……. 19

5.1 Tài liệu tập huấn của TS. Trần Hữu Lượng về thông tư 04/2025/BGDĐT về đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ Đại học……...

5.2 Tài liệu tập huấn của PGS. TS Đinh Thành Việt về đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo……..

5.3 Quyết định số 3357/QĐ-MĐC về việc ban hành Quy định đánh giá Chuẩn đầu ra của Trường đại học Mỏ - Địa chất (ngày 31/12/2025) ……

5.4 Thông báo số 50/MĐC-ĐTĐH về việc điều chỉnh một số ký hiệu, nội dung quy trình xây dựng CTĐT (ngày 30/1/2026)……

1. Mở đầu

Trường Đại học Mỏ - Địa chất được thành lập ngày 08 tháng 8 năm 1966, sau chặng đường hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển với nỗ lực không ngừng và vượt qua bao thử thách, đến nay Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu của Việt Nam. Nhà trường ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong hệ thống giáo dục và đào tạo Việt Nam là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu uy tín trong nước về các lĩnh vực khoa học Trái đất, Mỏ, Tài nguyên và Môi trường và nhiều lĩnh vực khoa học khác.

Nhà trường đã triển khai công tác kiểm định chất lượng 21 chương trình đào tạo (CTĐT) trong giai đoạn 2019 – 2025 (trong đó bao gồm: 16 CTĐT trình độ Đại học và 05 CTĐT trình độ Thạc sĩ), kiểm định trường chu kỳ 1 vào năm 2017 và chu kỳ 2 vào năm 2024.

Thực hiện theo quy định của Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT - Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, triển khai tốt hơn công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã triển khai đo lường, đánh giá Chuẩn đầu ra Học phần (CLO) và Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (PLO) đợt 1 năm học 2025-2026 từ ngày 09/1/2026 đến ngày 08/2/2026, gồm 100 Học phần (HP), trong đó 02 HP thuộc học kỳ 2B năm học 2024-2025 và 98 HP thuộc học kỳ 1A năm học 2025-2026 (theo thông báo số 16/MĐC-TB ngày 09/1/2026).

"Chuẩn chương trình đào tạo của một trình độ giáo dục đại học là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả chương trình đào tạo của các ngành (các nhóm ngành, lĩnh vực) ở trình độ đó; bao gồm yêu cầu về mục tiêu, chuẩn đầu ra (hay yêu cầu đầu ra), chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào), khối lượng học tập tối thiểu, cấu trúc và nội dung, phương

pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, các điều kiện thực hiện chương trình để bảo đảm chất lượng đào tạo."

"Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO) là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp."

"Học phần (HP) là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thuộc một phạm vi chuyên môn hẹp trong CTĐT. Một học phần thông thường được tổ chức giảng dạy, học tập trong một học kỳ."

"Chuẩn đầu ra của học phần (CLO) là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm mà người học đạt được sau khi hoàn thành xong học phần."

"Đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học

a) Đánh giá mức độ đạt CLO, PLO của người học là quá trình sử dụng các phương tiện đánh giá nhằm thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu để đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra. Khi đánh giá mức đạt CLO, PLO có thể sử dụng các phương pháp đánh giá trực tiếp, gián tiếp, định lượng và định tính phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra cần đánh giá.

b) Mục đích của đánh giá mức đạt CLO, PLO của người học là xác định mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học so với yêu cầu của CTĐT/HP, trên cơ sở đó đánh giá được về năng lực thực chất của người học."

Để thực hiện việc đo lường, đánh giá PLO và CLO, Nhà trường đã ban hành quyết định số 3357/QĐ-MĐC về việc ban hành Quy định đánh giá Chuẩn đầu ra của Trường đại học Mỏ-Địa chất (ngày 31/12/2025) và thông báo số 50/MĐC-ĐTĐH về việc điều chỉnh một số ký hiệu, nội dung quy trình xây dựng CTĐT (ngày 30/1/2026).

Nhà trường cũng đã thực hiện 03 đợt tập huấn về thông tư 04/2025 và Hướng dẫn đo lường, đánh giá CĐR như sau:

TT	Nội dung tập huấn	Thời gian	Người/Đơn vị tập huấn
1	Tự đánh giá CTĐT trình độ Đại học theo Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT	05/11/2025	TS. Trần Hữu Lượng (TT KĐCLGD ĐH QGHN - VNU)
2	Hướng dẫn đo lường, đánh giá CLO (theo từng Khoa)	19-23/1/2026	Phòng ĐBCLGD, ĐH Mỏ-Địa chất
3	Đo lường, đánh giá CĐR HP và CĐR CTĐT	21/3/2026	PGS. TS. Đinh Thành Việt (Trường ĐH Đông Á)

Sau khi được tập huấn, các Giảng viên đã tích cực triển khai và hoàn thành việc đo lường, đánh giá CĐR học phần theo quy định và hướng dẫn.

Kết quả đo lường, đánh giá CLOs đợt 1 được lưu trữ và phổ biến tới các bên liên quan thông qua đường liên kết: ĐÁNH GIÁ CĐR HỌC PHẦN ĐỢT 1 NĂM HỌC 2025-2026.

Bảng 1. Tổng hợp số lượng HP đo lường, đánh giá CLO đợt 1 (2025-2026).

TT	Khoa	Tổng số HP được đề xuất đánh giá CLO	Tổng số HP thực hiện đánh giá CLO	Tổng số HP không thực hiện đánh giá CLO	Tỷ lệ hoàn thành
1	Khoa Khoa học cơ bản	10	10	0	100%
2	Khoa Mỏ	12	4	8	33.3%
3	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	8	6	2	75%
4	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	6	6	0	100%
5	Khoa Dầu khí và Năng lượng	10	3	7	30%
6	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	7	6	1	85.7%
7	Khoa Công nghệ thông tin	1	1	0	100%
8	Khoa Cơ – Điện	8	6	2	75%
9	Khoa Xây dựng	21	18	3	85.7%
10	Khoa Môi trường	17	14	3	82.4%
	Tổng	**100**	**74**	**26**	**74%**

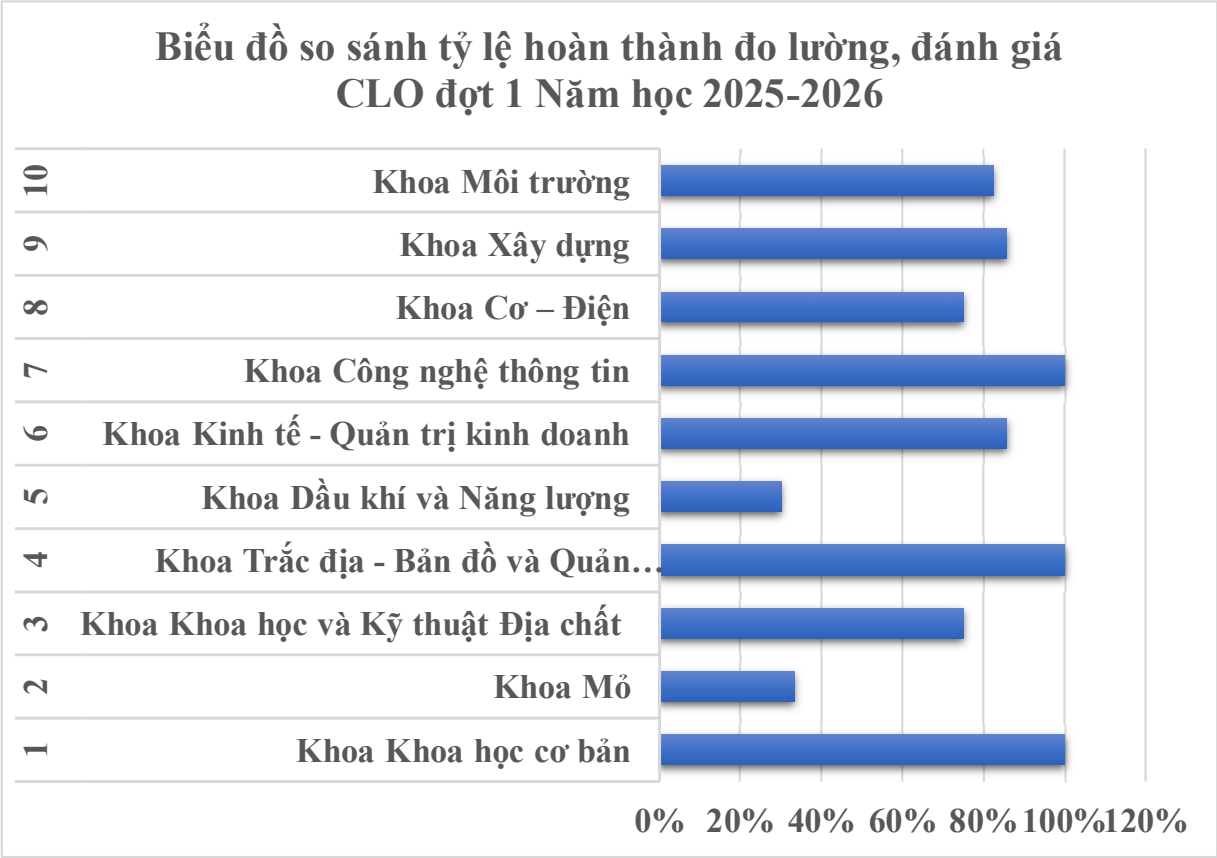

2. Thông tin chung

Phòng ĐBCLGD đã triển khai công tác tổng hợp kết quả đo lường đánh giá CLO đợt 1 năm học 2025-2026, xử lý và phân tích một số chỉ số liên quan đến kết quả đo lường đánh giá và xây dựng báo cáo làm cơ sở để các đơn vị trong toàn trường nghiên cứu, tham khảo để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng trong năm học 2025 - 2026 và trong giai đoạn tiếp theo.

Bảng 2. Tổng hợp dữ liệu HP đo lường, đánh giá CLO đợt 1 về Hình thức thi

TT	Hình thức thi	Số lượng	Tỷ lệ
1	Tự luận	92	92%
2	Vấn đáp	5	5%
3	Trắc nghiệm trên máy	3	3%

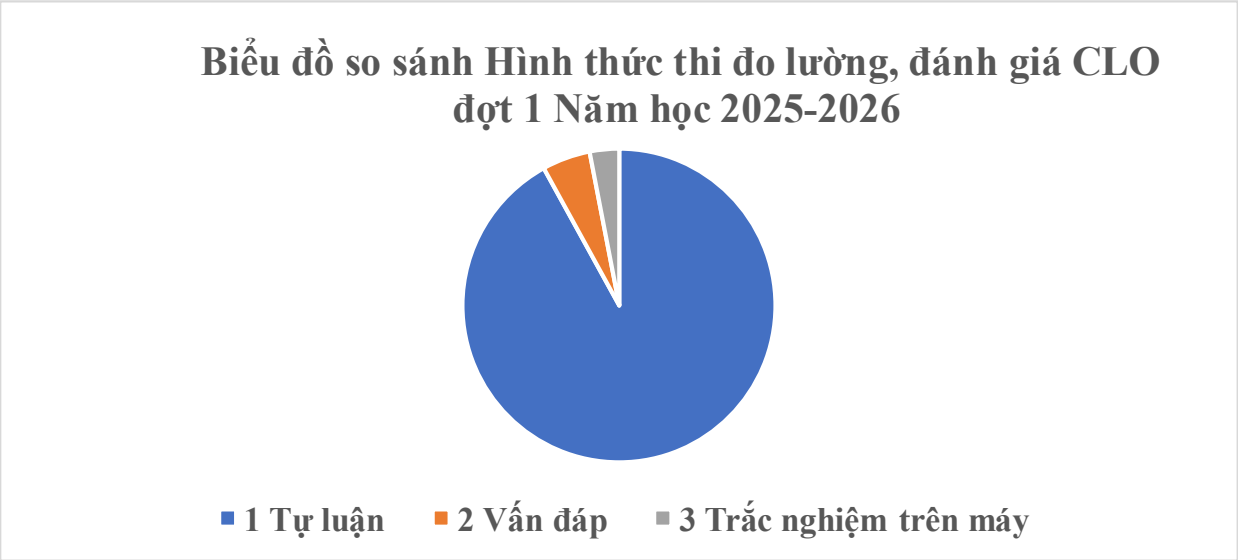

Bảng 3. Tổng hợp dữ liệu đo lường đánh giá CLO đợt 1 về Mức tiêu chuẩn "Đạt"

TT	Mức tiêu chuẩn "Đạt"	Diễn giải ý nghĩa đặt mức tiêu chuẩn đo CLO "Đạt"	Số lượng CLOs	Tỷ lệ %
1	B; 85%	Tối thiểu 85% SV đạt CĐR mức B	1	1.1%
2	B; 80%	Tối thiểu 80% SV đạt CĐR mức B	4	4.3%
3	B; 70%	Tối thiểu 70% SV đạt CĐR mức B	2	2.2%
4	C+; 70%	Tối thiểu 70% SV đạt CĐR mức C+	2	2.2%
5	C+; 60%	Tối thiểu 60% SV đạt CĐR mức C+	1	1.1%
6	C; 95%	Tối thiểu 95% SV đạt CĐR mức C	1	1.1%
7	C; 80%	Tối thiểu 80% SV đạt CĐR mức C	2	2.2%
8	C; 70%	Tối thiểu 70% SV đạt CĐR mức C	47	51%
9	C; 60%	Tối thiểu 60% SV đạt CĐR mức C	4	4.3%
10	C; 50%	Tối thiểu 50% SV đạt CĐR mức C	3	3.3%
11	D+; 70%	Tối thiểu 70% SV đạt CĐR mức D+	3	3.3%
12	D+; 60%	Tối thiểu 60% SV đạt CĐR mức D+	4	4.3%
13	D+; 50%	Tối thiểu 50% SV đạt CĐR mức D+	1	1.1%
14	D; 75%	Tối thiểu 75% SV đạt CĐR mức D	4	4.3%
15	D; 70%	Tối thiểu 70% SV đạt CĐR mức D	2	2.2%
16	D; 60%	Tối thiểu 60% SV đạt CĐR mức D	6	6.5%
17	D; 50%	Tối thiểu 50% SV đạt CĐR mức D	5	5.4%

Bảng 4. Tổng hợp dữ liệu đo lường, đánh giá CLO đợt 1 về tỷ lệ Đạt/Không đạt

TT	Đánh giá	Số lượng	Tỷ lệ
1	Đạt	75	81.5%
2	Không đạt	17	18.5%

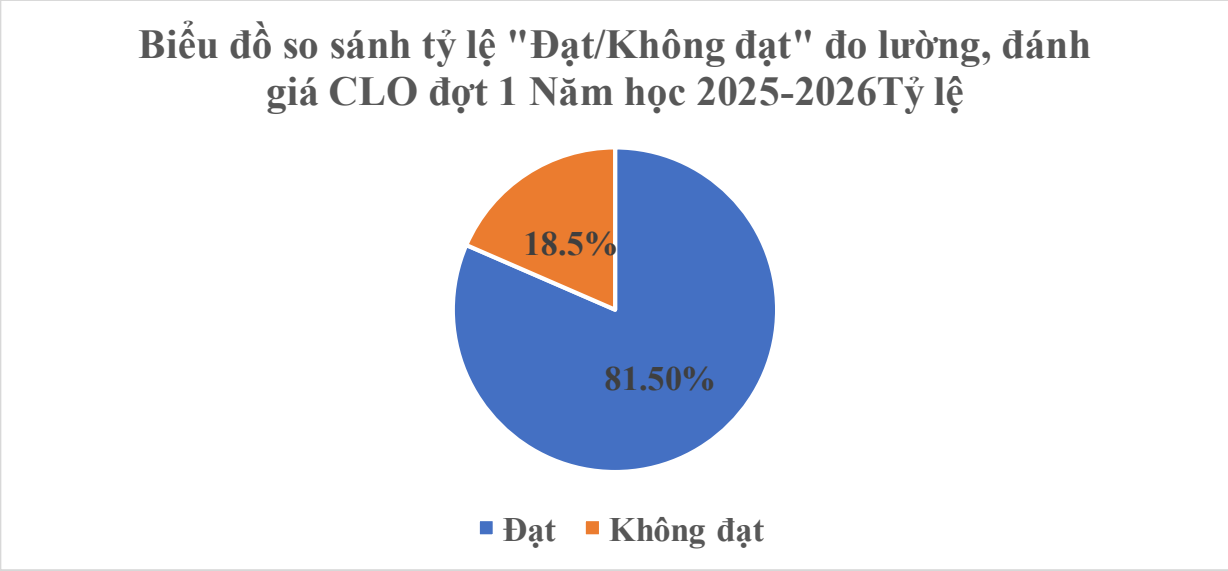

3. Tổng hợp kết quả đo lường đánh giá CLO đợt 1 năm học 2025-2026

TT	Tên học phần/lớp/khóa	Mã học phần	Kế hoạch đo CLO		Kết quả thực hiện		Giảng viên phụ trách
			Chỉ tiêu đạt CLO	Thời gian thực hiện	Tỷ lệ % đạt yêu cầu	Kết quả Đạt/ Không đạt	
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN							
1	Biến đổi Laplace và ứng dụng (K65-68)	7010101	CLO1 (C; 70%)	24K2B	82%	Đạt	Nguyễn Thị Lan Hương
2	Biến đổi Laplace và ứng dụng (K69)	7010101	CLO1 (C; 70%)	24K2B	74%	Đạt	Nguyễn Thị Lan Hương
3	Phương pháp tính	7010111	CLO2 (C; 70%)	25K1A	78%	Đạt	Đào Xuân Hưng

TT	Tên học phần/lớp/khóa	Mã học phần	Kế hoạch đo CLO		Kết quả thực hiện		Giảng viên phụ trách
			Chỉ tiêu đạt CLO	Thời gian thực hiện	Tỷ lệ % đạt yêu cầu	Kết quả Đạt/ Không đạt	
4	Xác suất thống kê	7010119	CLO4 (B,70%)	25K1A	93%	Đạt	Lê Bích Phượng
5	Khoa học vật liệu đại cương (K69)	7010201	CLO1 (D+; 60%)	25K1A	57%	Không đạt	Nguyễn Mạnh Hùng
			CLO2 (D+; 60%)		70%	Đạt	
			CLO3 (D+; 60%)		87%	Đạt	
			CLO4 (D+; 60%)		73%	Đạt	
6	Tổng hợp Hóa dược	7010338	CLO2 (C; 50%)	25K1A	58%	Đạt	Hà Mạnh Hùng
7	Hóa hữu cơ phần 2	7010345	CLO2 (C; 50%)	25K1A	59%	Đạt	Nguyễn Thị Kim Thoa
8	Hình họa và vẽ kỹ thuật	7010402	CLO1 (C; 70%)	25K1A	20%	Không đạt	Hoàng Văn Tài
9	Vẽ kỹ thuật xây dựng	7010406	CLO1 (C; 60%)	25K1A	65%	Đạt	Vũ Hữu Tuyên
10	Phương pháp phần tử hữu hạn	7010509	CLO1 (D+; 50%)	25K1A	54%	Đạt	Phạm Ngọc Chung
KHOA MỎ							
11	Điều khiển hoạt động khai thác mỏ	7030208	CLO1 (C; 70%)	25K1A	85%	Đạt	Nguyễn Phi Hùng
12	Điều khiển áp lực mỏ (K67)	7030209	CLO1 (D+; 70%)	25K1A	75%	Đạt	Nguyễn Hồng Cường

TT	Tên học phần/lớp/khóa	Mã học phần	Kế hoạch đo CLO		Kết quả thực hiện		Giảng viên phụ trách
			Chỉ tiêu đạt CLO	Thời gian thực hiện	Tỷ lệ % đạt yêu cầu	Kết quả Đạt/ Không đạt	
13	Điện phân (K67)	7030407	CLO1 (C; 70%)	25K1A	83%	Đạt	Trần Văn Được
14	Làm giàu khoáng sản không kim loại (K67)	7030414	CLO1 (C; 70%)	25K1A	83%	Đạt	Phạm Thị Nhung
15	Sức bền vật liệu	7030502	CLO1 (C+; 60%)	25K1A	67%	Đạt	Đỗ Ngọc Tú
KHOA KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT							
16	Kiến tạo mảng	7040120	CLO1 (C; 80%)	25K1A	100%	Đạt	Trần Thanh Hải
17	Lịch sử phát triển trái đất	7040143	CLO1 (C; 95%)	25K1A	100%	Đạt	Ngô Xuân Thành
18	Tâm lý học đại cương	7040183	CLO1 (D; 75%)	25K1A	96%	Đạt	Ngô Văn Hưởng
			CLO2 (D; 75%)		88%	Đạt	
			CLO3 (D; 75%)		99%	Đạt	
			CLO4 (D; 75%)		84%	Đạt	
19	Địa hóa	7040301	CLO1 (D+; 70%)	25K1A	79%	Đạt	Đặng Thị Vinh
20	Tinh thể khoáng vật	7040310	CLO2 (D; 70%)	25K1A	35%	Không đạt	Nguyễn Trung Thành
21	Kỹ thuật thi công nền móng (DCDCDKT K67)	7040523	CLO2 (C; 70%)	25K1A	78%	Đạt	Nguyễn Thành Dương

TT	Tên học phần/lớp/khóa	Mã học phần	Kế hoạch đo CLO		Kết quả thực hiện		Giảng viên phụ trách
			Chỉ tiêu đạt CLO	Thời gian thực hiện	Tỷ lệ % đạt yêu cầu	Kết quả Đạt/ Không đạt	
KHOA TRẮC ĐỊA – BẢN ĐỒ VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI							
22	Tích hợp dữ liệu GNSS phục vụ quản lý phát triển đô thị bền vững (K68)	7050221	CLO1 (C; 70%)	25K1A	79%	Đạt	Nguyễn Gia Trọng
			CLO2 (C; 70%)		87%	Đạt	
23	Phân tích thống kê trong Quản lý đô thị và Bất động sản	7050434	CLO3 (C; 70%)	25K1A	90%	Đạt	Lưu Anh Tuấn
24	Công nghệ địa không gian trong quan trắc và phân tích môi trường đô thị. (K68)	7050536	CLO3 (C; 80%)	25K1A	87%	Đạt	Lê Thị Thu Hà
25	Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan cho phát triển đô thị bền vững (K68)	7050538	CLO4 (B; 70%)	25K1A	98%	Đạt	Lê Thị Thu Hà
26	Địa lý đô thị. (K69)	7050732	CLO3 (B; 80%)	25K1A	91%	Đạt	Trần Thị Tuyết Vinh
KHOA DẦU KHÍ VÀ NĂNG LƯỢNG							
27	Vật liệu composite/Công nghệ kỹ thuật hóa học/K67	7060346	CLO2 (C; 60%)	25K1A	28%	Không đạt	Phạm Xuân Núi

TT	Tên học phần/lớp/khóa	Mã học phần	Kế hoạch đo CLO		Kết quả thực hiện		Giảng viên phụ trách
			Chỉ tiêu đạt CLO	Thời gian thực hiện	Tỷ lệ % đạt yêu cầu	Kết quả Đạt/ Không đạt	
28	Kỹ thuật khí thiên nhiên đại cương (K69)	7060439	CLO1 (C; 70%)	25K1A	82%	Đạt	Doãn Thị Trâm
29	Quản lý rủi ro ngành kỹ thuật khí thiên nhiên	7060457	CLO2 (C; 70%)	25K1A	100%	Đạt	Nguyễn Văn Thành
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH							
30	Luật Kinh tế	7070107	CLO1 (D; 70%)	25K1A	75%	Đạt	Phí Mạnh Cường
			CLO2 (D; 50%)		60%	Đạt	
			CLO3 (D; 50%)		38%	Không đạt	
31	Nhập môn Quản lý công nghiệp	7070245	CLO2 (C; 70%)	25K1A	54%	Không đạt	Nguyễn Ngọc Khánh
			CLO4 (C; 70%)		75%	Đạt	
32	Quản trị thương mại QTKD K68	7070333	CLO1 (C; 70%)	25K1A	96%	Đạt	Nguyễn Lan Hoàng Thảo
33	Lý thuyết bảo hiểm (K66-68)	7070425	CLO1 (C; 70%)	25K1A	75%	Đạt	Nguyễn Tiến Hưng
34	Định giá doanh nghiệp K67	7070452	CLO1 (C; 70%)	25K1A	68%	Không đạt	Nguyễn Thị Kim Oanh
			CLO2 (C; 70%)		68%	Không đạt	
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN							

TT	Tên học phần/lớp/khóa	Mã học phần	Kế hoạch đo CLO		Kết quả thực hiện		Giảng viên phụ trách
			Chỉ tiêu đạt CLO	Thời gian thực hiện	Tỷ lệ % đạt yêu cầu	Kết quả Đạt/ Không đạt	
35	Tối ưu hóa - Thuật toán (K66-68)	7080622	CLO2 (D; 60%)	25K1A	58%	Không đạt	Nguyễn Thế Bình
			CLO3 (D; 60%)		72%	Đạt	
			CLO4 (D; 60%)		45%	Không đạt	
KHOA CƠ - ĐIỆN							
36	Kỹ thuật nhiệt (K67-69)	7090423	CLO2 (D; 50%)	25K1A	33%	Không đạt	Phạm Thị Thủy
			CLO3 (D; 50%)		19%	Không đạt	
			CLO4 (D; 50%)		19%	Không đạt	
37	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ chế tạo máy	7090439	CLO1 (C; 70%)	25K1A	95%	Đạt	Trần Đức Huân
			CLO2 (C; 70%)		94%	Đạt	
			CLO3 (C; 70%)		45%	Không đạt	
38	Kỹ thuật an toàn và môi trường cơ khí (K65-68)	7090517	CLO1 (C; 70%)	25K1A	50%	Đạt	Nguyễn Thế Hoàng
39	Tổ chức và quản lý vận tải ô tô (K67)	7090548	CLO1 (C; 70%)	25K1A	92%	Đạt	Đặng Vũ Đinh
40	Tổng quan ô tô và máy công trình (K67-68)	7090549	CLO1 (C; 50%)	25K1A	58%	Đạt	Nguyễn Minh Tuấn

TT	Tên học phần/lớp/khóa	Mã học phần	Kế hoạch đo CLO		Kết quả thực hiện		Giảng viên phụ trách
			Chỉ tiêu đạt CLO	Thời gian thực hiện	Tỷ lệ % đạt yêu cầu	Kết quả Đạt/ Không đạt	
41	Kỹ thuật an toàn lao động trong sản xuất cơ khí (K65-68)	7090589	CLO1 (C; 70%)	25K1A	14%	Không đạt	Nguyễn Thế Hoàng
KHOA XÂY DỰNG							
42	Cấu tạo và công nghệ chống giữ công trình ngầm. (DCXDXD67_02)	7100103	CLO1 (C; 60%)	25K1A	69%	Đạt	Nguyễn Tài Tiến
			CLO2 (C; 60%)		47%	Không đạt	
43	Quy hoạch và thiết kế công trình trên mặt đất (DCXDXD68_02-68)	7100124	CLO1 (B; 80%)	25K1A	100%	Đạt	Đào Viết Đoàn
44	Xây dựng công trình ngầm (DCXDXD67_02)	7100139	CLO1 (B; 80%)	25K1A	94%	Đạt	Đỗ Ngọc Thái
45	Kết cấu gỗ, gạch, đá (DCXDXD68_03-68)	7100220	CLO2 (C; 70%)	25K1A	88%	Đạt	Tăng Văn Lâm
46	Kiến trúc công trình công nghiệp/DCXDXD 67_03/K67	7100230	CLO2 (C; 70%)	25K1A	85%	Đạt	Đặng Văn Phi
47	Kỹ thuật thi công đặc	7100230	CLO2 (C; 70%)	25K1A	88%	Đạt	Đặng Văn Phi

TT	Tên học phần/lớp/khóa	Mã học phần	Kế hoạch đo CLO		Kết quả thực hiện		Giảng viên phụ trách
			Chỉ tiêu đạt CLO	Thời gian thực hiện	Tỷ lệ % đạt yêu cầu	Kết quả Đạt/ Không đạt	
	biệt/DCXDXD67_03/K67						
48	Quy hoạch và thiết kế đô thị (DCXDTDN67-67)	7100234	CLO2 (C; 70%)	25K1A	90%	Đạt	Tăng Văn Lâm
49	Kiến trúc công trình xây dựng (DCXDQL69A-69)	7100253	CLO2 (C; 70%)	25K1A	75%	Đạt	Tăng Văn Lâm
50	Kết cấu bê tông cốt thép	7100254	CLO1 (D; 60%)	25K1A	55%	Không đạt	Phạm Thị Nhàn
51	An toàn lao động trong xây dựng (K67-68)	7100301	CLO1 (C; 70%)	25K1A	91%	Đạt	Hoàng Đình Phúc
52	Ổn định và gia cố mái dốc công trình/DCXDXD67_04/K67	7100316	CLO2 (C; 70%)	25K1A	91%	Đạt	Phạm Văn Hùng
53	Tổ chức và quản lý giao thông đô thị/DCXDXD67_04/K67	7100327	CLO1 (C; 70%)	25K1A	76%	Đạt	Phạm Văn Hùng
54	Thông gió, chiếu sáng và cấp thoát nước (K67-68)	7100355	CLO2 (C; 70%)	25K1A	94%	Đạt	Hoàng Đình Phúc
55	Lập và thẩm định dự án đầu tư	7100609	CLO1 (B; 80%)	25K1A	100%	Đạt	Đào Viết Đoàn

TT	Tên học phần/lớp/khóa	Mã học phần	Kế hoạch đo CLO		Kết quả thực hiện		Giảng viên phụ trách
			Chỉ tiêu đạt CLO	Thời gian thực hiện	Tỷ lệ % đạt yêu cầu	Kết quả Đạt/ Không đạt	
56	Hệ thống kỹ thuật trong công trình (K67-68)	7100610	CLO1 (C; 70%)	25K1A	100%	Đạt	Hoàng Đình Phúc
57	Quy hoạch công trình/DCQLXD69 /K69	7100611	CLO2 (D; 60%)	25K1A	67%	Đạt	Phạm Văn Hùng
58	Phân tích và đánh giá dự án đầu tư xây dựng/DCXDQL67	7100616	CLO1 (B; 85%)	25K1A	100%	Đạt	Phạm Đức Thọ
59	Đấu thầu và mua sắm (DCXDQL68-68)	7100620	CLO2 (C; 70%)	25K1A	85%	Đạt	Tăng Văn Lâm
KHOA MÔI TRƯỜNG							
60	Đánh giá môi trường chiến lược	7110103	CLO3 (C; 70%)	25K1A	71%	Đạt	Nguyễn Văn Bình
61	Luật và chính sách môi trường	7110110	CLO1 (C; 70%)	HK1A	87%	Đạt	Vũ Thị Lan Anh
62	Quá trình thủy lực trong CNMT	7110118	CLO1 (D; 60%)	25K1A	84%	Đạt	Phạm Khánh Huy
63	Hệ thống thông tin môi trường (K68)	7110131	CLO1 (C; 70%)	25K1A	86%	Đạt	Nguyễn Quốc Phi
64	Ứng dụng GIS và viễn thám trong quản lý tài nguyên và môi trường	7110133	CLO3 (C; 70%)	25K1A	71%	Đạt	Nguyễn Thị Cúc

TT	Tên học phần/lớp/khóa	Mã học phần	Kế hoạch đo CLO		Kết quả thực hiện		Giảng viên phụ trách
			Chỉ tiêu đạt CLO	Thời gian thực hiện	Tỷ lệ % đạt yêu cầu	Kết quả Đạt/ Không đạt	
65	Giáo dục và truyền thông môi trường (K67)	7110140	CLO3 (C; 70%)	25K1A	83%	Đạt	Phan Thị Mai Hoa
66	Giáo dục và truyền thông môi trường (K67)	7110140	CLO3 (C; 70%)	25K1A	83%	Đạt	Phan Thị Mai Hoa
67	Bảo vệ và cải tạo đất	7110202	CLO3 (C; 70%)	25K1A	73%	Đạt	Trần Anh Quân
68	Cơ sở Địa sinh thái - Địa môi trường	7110206	CLO3 (C; 70%)	25K1A	80%	Đạt	Đỗ Thị Hải
69	Quản lý Môi trường	7110223	CLO1 (C; 70%)	25K1A	88%	Đạt	Vũ Thị Lan Anh
70	Quản lý và phát triển sinh thái tài nguyên nước	7110228	CLO1 (C; 70%)	25K1A	77%	Đạt	Đỗ Thị Hải
71	Sản xuất sạch hơn (K67)	7110230	CLO2 (D+; 70%)	25K1A	81%	Đạt	Nguyễn Mai Hoa
72	Cơ sở KT năng lượng tái tạo	7110302	CLO1 (C; 70%)	25K1A	87%	Đạt	Trần Thị Ngọc
73	Kỹ thuật cải tạo, phục hồi môi trường	7110307	CLO1 (C+; 70%)	25K1A	85%	Đạt	Đào Trung Thành
74	Quan trắc và xử lý số liệu môi trường	7110317	CLO2 (C+; 70%)	25K1A	81%	Đạt	Đào Trung Thành

4. Kết luận

Thông qua việc triển khai đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra Đợt 1 năm học 2025-2026, các Giảng viên và cán bộ trường Đại học Mỏ-Địa chất đã được phổ biến đầy đủ về nội dung của Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT về đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ Đại học và được tập huấn, hướng dẫn về cách thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra Học phần và chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo.

Sau khi thực hiện việc đo lường, đánh giá CĐR học phần, các Giảng viên đã nhận ra được các ưu nhược điểm của việc xây dựng thiết kế chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá học phần, phương pháp ra đề thi,… để rút ra những điểm mạnh/điểm yếu và những vấn đề còn tồn tại, từ đó có các đề xuất chỉnh sửa/cải tiến cụ thể cho từng môn học, từng chương trình đào tạo (xem chi tiết các khuyến nghị tại BM02D (ĐÁNH GIÁ CĐR CLO ĐỢT 1 NĂM HỌC 2025-2026).

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2026

Người lập báo cáo

TS. Nguyễn Thị Lan Hương